

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Võ Thị Bích Huyền**

2/ Ông **Nguyễn Văn Mến**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ* tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Nhu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lý Thu T**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực Thạnh Thắng, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Trương Hoài N**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực Thạnh Thắng, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lý Thu T trình bày:

Trước đây, sau quá trình tìm hiểu bà Lý Thu T và ông Trương Hoài N đã kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 16/5/2017. Thời gian đầu thì bà T và ông N chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do bà và ông N bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vì vậy, bà T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ giải quyết cho bà vấn đề sau:

- + Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Trương Hoài N.
- + Về con chung: Không có con chung.
- + Về tài sản chung: Không có.
- + Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Hoài N trình bày: Trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T, ông N có ý kiến như sau: Bà T là vợ của ông N, quá trình chung sống thì giữa ông và bà T không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc bà T xin ly hôn là do ông N ăn chơi, không lo làm cho nên vợ ông làm đơn ly hôn. Nay ông N đã hối hận và xin được đoàn tụ với bà T.

Vụ án được hòa giải không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ, bị đơn đã ăn năn hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng luật định; gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát, đưa ra xét xử đúng hạn. Tại tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông N đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà T và ông N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 16/5/2017 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà T và ông N phát sinh mâu thuẫn, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N chung sống năm 2017 và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Bà T và ông N sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông N. Tại phiên tòa, ông N không đồng ý ly hôn với lý do ông N đã thực sự ăn năn hối hận, ông N còn thương vợ, ông N xin được đoàn tụ với vợ. Bà T không đồng ý đoàn tụ với ông N, bà T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu được ly hôn với ông N với lý do giữa bà và ông N đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông N là do ông N không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã cố gắng hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ giữa bà T và ông N đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Cả hai thống nhất không có con chung cho nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về chi phí đăng tin tìm kiếm bị đơn: Ghi nhận nguyên đơn đã nộp, chi xong và tự nguyện chịu.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lý Thu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thu T về việc ly hôn với ông Trương Hoài N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lý Thu T được ly hôn với ông Trương Hoài N.

2. *Về con chung:* Các đương sự khai không có con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự khai không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về chi phí đăng tin tìm kiếm bị đơn:* Ghi nhận nguyên đơn đã nộp, chi xong và tự nguyện chịu.

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Lý Thu T chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003126 ngày 10/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự, quận C thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà T đã nộp xong án phí.

6. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến